

Số: 2406/QĐ-UBND

Lộc Ninh, ngày 04 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố dự toán điều chỉnh ngân sách
năm 2019 của huyện Lộc Ninh.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng
dẫn thi hành luật Ngân sách ;

Căn cứ Quyết định số 5249/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện
Lộc Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch tại Tờ trình số:
204/TTr-TCKH ngày 03/09/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán điều chỉnh ngân sách năm 2019
của huyện Lộc Ninh (Kèm theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính
– Kế hoạch, và thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định
này.

[Chữ ký]

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng huyện ủy;
- Văn phòng HĐND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT. TC - KH



Hoàng Nhật Tân

Số : **204** /TTr-TCKH

Lộc Ninh, ngày **03** tháng 09 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán điều chỉnh ngân sách
Huyện Lộc Ninh năm 2019.

Kính gửi: UBND HUYỆN LỘC NINH

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT – BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15/6/2017.

Căn cứ Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND huyện Lộc Ninh về việc giao dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2019;

Phòng Tài chính – Kế hoạch trình UBND huyện phê duyệt công bố công khai số liệu dự toán điều chỉnh thu chi ngân sách nhà nước năm 2019.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Kính trình UBND huyện phê duyệt.

TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.





CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	942.315
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	161.345
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	16.050
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	145.295
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	648.096
-	Thu bổ sung cân đối	390.010
-	Thu bổ sung có mục tiêu	258.086
III	Thu kết dư	65.539
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	1.335
V	Nguồn cải cách tiền lương	66.000
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	943.115
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	941.453
1	Chi đầu tư phát triển	150.390
2	Chi thường xuyên	780.013
3	Dự phòng ngân sách	10.250
4	Chi các khoản qua NSNN	800
II	Chi các chương trình mục tiêu	1.662
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.662
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	227.850	<u>227.850</u>
I	Thu nội địa	<u>227.050</u>	<u>227.050</u>
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	43.500	43.500
5	Thuế thu nhập cá nhân	20.150	20.150
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	22.350	22.350
8	Thu phí, lệ phí	7.000	7.000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300	300
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	25.500	25.500
12	Thu tiền sử dụng đất	75.000	75.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	24.500	24.500
16	Thu khác ngân sách	8.600	8.600
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	150	150
II	Thu viện trợ (Các khoản thu được để lại chỉ qua QLNN)	800	800

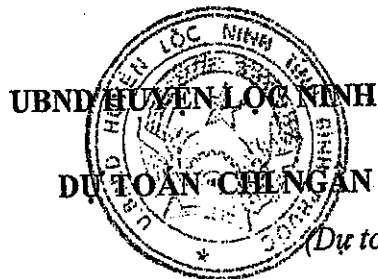


**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	720.713	720.713	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	720.713	720.713	
I	Chi đầu tư phát triển	126.390	126.390	
1	Chi đầu tư cho các dự án	126.390	126.390	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	126.390	126.390	
-	Chi các công trình chuyển tiếp	34.083	34.083	
-	Chi các công trình khởi công mới	47.027	47.027	
-	Chi các công trình chuẩn bị đầu tư	280	280	
-	Chi các công trình vốn khác	45.000	45.000	
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	126.390	126.390	
	Chi đầu tư từ nguồn phân cấp	23.420	23.420	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	57.970	57.970	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết, vốn khác	45.000	45.000	
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	582.289	582.289	
	Trong đó:			
1	Chi sự nghiệp kinh tế	67.864	67.864	
2	Chi sự nghiệp văn xã	344.241	344.241	
3	Chi quản lý hành chính khối huyện	46.328	46.328	
4	Chi An ninh - quốc phòng	6.725	6.725	
5	Chi NS Xã	115.331	115.331	
6	Chi khác NS	1.800	1.800	
III	Dự phòng ngân sách	10.734	10.734	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
VI	Các khoản chi qua QLNS NN	800	800	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	500	500	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	500	500	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	500	500	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			



Biểu số 85/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2019

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	720.713
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	126.390
1	Chi đầu tư cho các dự án	126.390
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	582.289
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	262.037
2	Chi khoa học và công nghệ	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	62.401
4	Chi văn hóa thông tin	3.995
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
6	Chi thể dục thể thao	250
7	Chi bảo vệ môi trường	365
8	Chi các hoạt động kinh tế	189.079
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	46.328
10	Chi bảo đảm xã hội	17.834
III	Dự phòng ngân sách	10.734
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	800
V	Chi các chương trình mục tiêu	500
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	